

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2024

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Trần Đức Nhì

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 554/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: “vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt); Địa chỉ: 5K đường L, Phường T, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt); Địa chỉ: 5K đường L, Phường T, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Địa chỉ liên lạc: 55/12/06 đường L, Phường T, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (theo giấy Chứng nhận kết hôn số 12, quyền số I/2006 và cấp ngày 17/4/2006).

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông T bắt đầu cờ bạc không chịu làm ăn chăm lo gia đình, nhưng vì còn thương chồng và nghĩ cho các con nên bà cố gắng chịu đựng. Cho đến năm 2021, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn do ông T gây nợ có chủ nợ gọi điện đến tìm. Ngoài ra, bà Th còn nghe bạn bè nói là ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mặc dù vậy bà cố gắng liên hệ ông T mong muốn hàn gắn làm rõ mọi chuyện nhưng không có kết quả và cho đến nay ông T đã bỏ đi hơn 03 năm nay. Nay bà Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung, tên là Nguyễn Thuận T1, sinh ngày 23/5/2007 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/02/2015. Hiện nay, con chung đang sống với bà Th và bà là người chăm sóc các cháu và đồng thời theo nguyện vọng của hai con là muốn ở với mẹ, nên bà Th đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác nhận không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn mà chủ yếu là do ông T không chăm lo xây dựng kinh tế gia đình mà mê chơi cờ bạc. Từ năm 2021, mâu thuẫn trở nên trầm trọng khi mà chủ nợ gọi điện đến tìm ông T và ngoài ra bà Th còn nghe việc ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đều vắng mặt và không có ý kiến về việc bà Th xin ly hôn đối với ông. Mặc dù, bà Th đã khuyên giải nhưng ông T không có sự thay đổi, do đó khó có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thuận T1, sinh ngày 23/5/2007 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/02/2015. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến về nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Xét thấy, đề nghị của bà Th về việc chăm sóc nuôi dưỡng là chính đáng, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao hai con

chung nói trên cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con bà Th không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th tự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu theo qui định.

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù, ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kim Th yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Do đó, đây là “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại địa chỉ 5K đường L, Phường T, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 12/2006, quyền số I/2006 và cấp ngày 17/4/2006, do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Th và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ khi vợ chồng sống chung với nhau, hạnh phúc chỉ thời gian ngắn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vì ông T hay ham mê cờ bạc và không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù, bà Th đã cố gắng tìm gặp để khuyên giải nhưng ông T vẫn không thay đổi và ngoài ra bà Th còn nghe nói lại là ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, do đó tình cảm giữa bà Th và ông T đã không còn. Chính vì vậy, vào năm 2021

mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng do chủ nợ đến đòi nợ, do đó vợ chồng cũng đã sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, triệu tập xét xử để tạo điều kiện cho bà Th và ông T hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông T đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ ông T không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng, đồng thời không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình và cố tình để mặc bà Th tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông T đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim Th xác nhận có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thuận T1, sinh ngày 23/5/2007 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/02/2015. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4.2.1] Xét, từ khi vợ chồng sống với nhau và đến khi ly thân thì hai con chung đều do bà Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ngược lại ông T không quan tâm và chu cấp việc nuôi con chung. Hiện nay, hai trẻ còn nhỏ tuổi, nên rất cần người mẹ ở cận kề chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ có đủ điều kiện phát triển về thể chất và tâm sinh lý một cách ổn định, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Th là giao hai trẻ T1 và D cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác nhận không có; ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thuận T1, sinh ngày 23/5/2007 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/02/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim Th trực tiếp nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị Kim Th không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim Th xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Kim Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0038368 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, bà Nguyễn Thị Kim Th đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số I/2006, cấp ngày 17/4/2006 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Dương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND xã Tân Lập, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam

